

NGUYỄN TRUNG HIẾU*
ĐẶNG ĐĂNG THU

TỨ ÂN ĐẠO PHẬT – NHÓM TÔN GIÁO MỚI Ở VÙNG TÂY NAM BỘ

***Tóm tắt:** Tứ Ân Đạo Phật (四恩佛導) là một nhóm tôn giáo mới ra đời ở An Giang vào năm 1947. Nhóm này được sáng lập dựa trên nền tảng tư tưởng giáo lý của Bửu Sơn Kỳ Hương (ra đời năm 1849) và tư tưởng Phật giáo. Sau một thời gian ngắn ra đời, Tứ Ân Đạo Phật tạo ra ảnh hưởng rất lớn trong đời sống tinh thần và vật chất của người dân ở một số địa phương vùng biên giới tỉnh An Giang và Kiên Giang. Ở bài viết này, tác giả bước đầu nghiên cứu về lịch sử hình thành tôn giáo mới Tứ Ân Đạo Phật và các phương diện quan trọng, như: tư tưởng giáo lý, quá trình khẩn hoang lập làng, đặc trưng thờ phụng, hệ thống nghi lễ.*

***Từ khóa:** Tôn giáo mới; Tứ Ân Đạo Phật; ông Đạo Sáu; Bửu Sơn Kỳ Hương; An Giang; Kiên Giang.*

Dẫn nhập

Các tôn giáo ra đời ở Nam Bộ giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX có vai trò rất quan trọng trong đời sống vật chất, tinh thần của người Việt và các tộc người khác ở Nam Bộ. Một số tôn giáo mới đã được nhà nước công nhận pháp nhân hoạt động trong hệ thống các tôn giáo, tổ chức tôn giáo ở Việt Nam và được nghiên cứu khá rõ trên nhiều phương diện. Tuy nhiên, còn có hiện tượng nhóm tôn giáo mới đến nay chưa được nghiên cứu. Vậy quá trình ra đời, đặc trưng về các phương diện của nhóm tôn giáo này như thế nào? Có mối quan hệ gì với các tôn giáo nội sinh ra đời trước đó?... Bài viết sẽ góp

* Nhóm tác giả công tác tại Khoa Văn hóa Nghệ thuật, Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 11/9/2021; Ngày biên tập: 13/7/2022; Duyệt đăng: 24/8/2022.

phần gọi mở một số vấn đề liên quan đến nhóm tôn giáo mới Tứ Ân Đạo Phật và đi tìm câu trả lời cho các câu hỏi trên.

Nhóm tôn giáo mới Tứ Ân Đạo Phật ra đời năm 1947, trong quá trình lịch sử đã có nhiều đóng góp lớn trong việc khẩn hoang lập làng ở tỉnh An Giang và tỉnh Kiên Giang; đóng góp tích cực trong việc ổn định đời sống vật chất của người dân Tây Nam Bộ ở giai đoạn lịch sử xã hội khó khăn, phức tạp. Ngoài ra, người sáng lập tôn giáo mới Tứ Ân Đạo Phật có đóng góp vào hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Hiện nay, cộng đồng tín đồ Tứ Ân Đạo Phật tích cực tham gia vào các hoạt động từ thiện xã hội ở địa phương. Do vậy, nghiên cứu về Tứ Ân Đạo Phật sẽ làm nổi bật mối quan hệ giữa đời sống tôn giáo và đời sống xã hội của tín đồ trong suốt diễn trình ra đời và tồn tại đến ngày nay.

Nghiên cứu sẽ cung cấp nguồn tài liệu quan trọng cho công tác quản lý nhà nước về tôn giáo khi tín đồ Tứ Ân Đạo Phật có nhu cầu xin công nhận pháp nhân hoạt động. Hiện nay, theo quan điểm tu hành của tín đồ là không để những vấn đề xã hội tác động vào tôn giáo, như thế sẽ làm mất đi truyền thống tu hành mà người sáng lập đạo đặt ra. Và một nguyên nhân khác nữa là, khi xin phép hoạt động - “công bố danh đạo” thì sẽ phân cấp, phân quyền, chức sắc tôn giáo,... dẫn đến mất đoàn kết trong cộng đồng tín đồ tôn giáo,... Với những băn khoăn đó, nên từ trước đến nay, tín đồ Tứ Ân Đạo Phật ở các chùa, xóm đạo, chỉ chăm lo tu hành, làm theo lời Thầy dạy, lao động sản xuất, giúp đỡ người nghèo,... mà không muốn xin pháp nhân hoạt động - “công bố danh đạo”. Trong thời gian tới, nếu tín đồ Tứ Ân Đạo Phật xin cấp phép hoạt động tôn giáo thì rất cần những nghiên cứu chuyên sâu để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước.

Thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành nhiều cuộc điền dã ở các chùa, miếu và gia đình tín đồ Tứ Ân Đạo Phật để tìm hiểu đời sống tôn giáo và đời sống thế tục của họ, sự ảnh hưởng của niềm tin tôn giáo trong đời sống thế tục; đồng thời thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn sâu cá nhân tín đồ, phỏng vấn nhóm tập trung (từ 3 - 5 tín đồ) tìm hiểu về lịch sử người sáng lập tôn giáo, phương thức tu hành, thực hành nghi lễ, lễ cúng,... Ngoài ra, chúng tôi còn quan sát, tham dự

nhiều hoạt động lễ cúng của tôn giáo ở chùa, miếu và tại gia, sống trải nghiệm tại chùa để ghi chép, phỏng vấn ngẫu nhiên, phỏng vấn thăm định, quay video clip về thực hành nghi lễ tôn giáo,... để tái tham cứu, nhằm đạt được sự chân xác, khách quan trong lý giải các khía cạnh của tôn giáo mới này.

1. Khái quát về nhóm tôn giáo mới Tứ Ân Đạo Phật

Theo một số tư liệu sơ lược thì người sáng lập nhóm Tứ Ân Đạo Phật¹ là ông Đạo Sáu, tên thật Trương Minh Thành hay Trương Ngọc Long. Ông sinh năm Giáp Dần (năm 1914), tại ấp Cái Đuốc Lớn, xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Rạch Giá (nay là tỉnh Kiên Giang). Ông là con thứ sáu trong một gia đình nông dân nghèo có bảy anh em. Theo nhiều tin đồn cao tuổi thuật lại, năm 9 tuổi ông bỏ nhà đi học đạo. Sau đó, ông ở núi Cấm vừa tu hành vừa khai mở đất trồng khoai, bắp sinh sống, dựng lên một ngôi chùa hiệu là Trung Bửu tự (vào ngày 19/01/1924, âm lịch).

Người dân lưu truyền nhiều câu chuyện về các khả năng “kỳ lạ” của ông Đạo Sáu như đi rất nhanh, không ai đuổi kịp (nên ông còn được gọi là “ông Đạo Chạy”); về kiểu tóc cạo trọc, chỉ chừa một chút tóc trên chóp (nên ông còn được gọi là “ông Đạo Chóp”). Ông không tu hành ở một địa điểm cố định mà di chuyển qua nhiều ngọn núi trong vùng Thất Sơn.

Sau thời gian ẩn tu trên núi Cấm, ông Đạo Sáu lại qua núi Dài, thuộc xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, dựng một am để tu hành (vào ngày 19/7/1937). Trong thời gian tu hành ở núi Cấm, núi Dài, ông Đạo Sáu nhiều lần xuống núi đi truyền đạo, chủ yếu là ở vùng Bảy Núi của tỉnh An Giang. Ông thường lang thang ngoài đường, vừa xin độ thực vừa giảng đạo, bên cạnh đó ông còn bốc thuốc trị bệnh cho người dân bằng nhiều loại thảo dược. Do việc đi lang thang khắp nơi xin ăn, trị bệnh, nói chuyện “thiên cơ”, “hành tung bất thường”... nên người dân còn gọi ông là “ông Đạo Khùng”. Khi đã lập đạo, tín đồ và người dân quy y theo ông tu hành, làm ăn, họ biết “thứ” của ông nên từ đó gọi là ông Đạo Sáu².

Ông Đạo Sáu rời núi Dài, núi Cấm, tiếp tục đi qua núi Tà Pạ, tại ấp Chon Phnom (nay là ấp Tô Hạ, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang) cất lên một ngôi chùa (năm 1938), đặt tên là Hồng Vân tự để tu hành. Khi thực dân Pháp lùng bắt vì cho rằng ông là “gian đạo sĩ” hành tung bí ẩn, tập hợp dân chúng làm loạn, ông cùng một số đệ tử trốn lên núi Cô Tô, mở đất làm rẫy, và có dựng lên một ngôi chùa tên Thích Lịch tự (vào ngày 29/11/1938, âm lịch). Sau đó, thực dân Pháp đánh phá càn quét núi Cô Tô, ông Đạo Sáu cùng các đệ tử tiếp tục phải trốn tránh. Ông trở lại núi Tà Pạ lần thứ hai và dựng một ngôi chùa mới, do ngôi chùa trước đó đã hoang phế, lấy hiệu là Huỳnh Vân tự (vào ngày 19/7/1947, âm lịch). Tại đây, ông bắt đầu khai đạo, lấy tên gọi là Tứ Ân Đạo Phật và sáng tác nhiều thi giảng gọi là “Hát Thánh” để tín đồ dựa vào đó mà tu hành. Người dân và tín đồ từ nhiều vùng đã đến đây quy y, sinh sống và lao động sản xuất.

Theo hồi thuật của nhiều tín đồ, trong thời gian sinh sống và truyền đạo ở vùng Bảy Núi, ông Đạo Sáu cùng tín đồ đã nhiều lần tiếp tế lương thực, thuốc trị thương... cho lực lượng Việt Minh. Vì vậy, ông bị chính quyền Pháp mời về vùng Kinh Tư, xã Bình Sơn, huyện Châu Thành A, tỉnh Long Châu Hà³ (nay là xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang) quản thúc. Khi được trả tự do, ông xin chính quyền Pháp cấp đất để khai hoang, sản xuất. Ông cho xây dựng một ngôi chùa tên là Bình Lâm Châu Phú (vào ngày 15/10/1953, âm lịch). Tại đây, ông cùng tín đồ khai khẩn đất hoang để sản xuất, lập làng, ổn định cuộc sống cho gần bảy trăm tín đồ và người dân. Ông dựng một cái nhà dài, có ban quản lý, phân chia công việc cụ thể cho từng nhóm: Nhóm phát đất trồng lúa, nhóm cấy lúa, nhóm xay lúa, giã gạo⁴. Các tín đồ làm chung, ăn chung, theo ông Sáu là để tâm tánh không phải lo nghĩ, tập trung học đạo. Cuối ngày, sau khi hoàn thành công việc, mọi người lại ngồi vây quanh ông Đạo Sáu nghe giảng đạo⁵. Đặc biệt, để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, ông Đạo Sáu đã cùng tín đồ khai mở kinh rạch từ Bình Sơn (Hòn Đất, Kiên Giang) về đến gần núi Tượng (Ba Chúc, Tri Tôn, An Giang), với chiều dài mấy chục ki lô mét. Kinh này được gọi là Đường Thét, hay là kinh Xóm Đạo⁶.

Đến cuối năm 1956, do tập trung đông tín đồ làm ăn, sinh sống và có ủng hộ cách mạng, nên chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã đuổi ông và tín đồ đoàn ra khỏi vùng cư trú. Ông lại cùng tín đồ về xứ giồng cát xã Lương An Trà dưới chân Bảy Núi cất trại, khai khẩn đất hoang, làm ruộng sinh sống. Khác với khi ở Bình Sơn, ở Lương An Trà tín đồ không ăn chung, ở chung nữa, mà cứ cách 50m lại cất một cái trại để tín đồ ở riêng. Ông Đạo Sáu lại cùng tín đồ đắp nên đường lộ rộng 3m, dài hàng cây số. “Tín đồ của Thầy hồi đó rất đông. Không những ở vùng này mà còn ở vùng khác như Cái Bè, Cai Lậy, Cà Mau... Ở vùng Lương An Trà thời đó khoảng một trăm gia đình, dân cuộc sống làm ăn thuận lợi, anh em, bà con họ hàng của tín đồ khắp nơi gom về đây sinh sống”⁷. “Vùng đất hoang hóa Lương An Trà phần lớn là đất của tín đồ ông chủ giáo khai mở. Riêng ông có bốn đến năm trăm công (40 - 50 héc-ta). Sau này tiếp thu (giải phóng) nhà nước trưng dụng, vì người làm không có, không đủ nguồn lực, dụng cụ”⁸.

Khi cuộc sống của tín đồ ổn định, ông dựng lên một ngôi chùa, lấy hiệu là Lương An Thành (vào ngày 19/10/1957, âm lịch). Sau đó, cũng trong năm 1957, ông cho dựng tiếp ngôi Sơn Hà cổ miếu để thờ thần. Trong thời gian này, ông lại bị chính quyền Việt Nam Cộng hòa lùng bắt nên phải di chuyển đến nhiều nơi để ẩn tránh và tu hành như am Thanh Sơn tự tại núi Cấm (được cất ngày 29/10/1958, âm lịch); Long Châu điện (cất lại từ địa điểm chùa Bình Lâm Châu Phú, ngày 13/8/1968, âm lịch) ở vùng Kinh Tư, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, nơi ông đã từng khai hoang lập làng trước đó; Huỳnh Vân tự (sửa lại ngày 28/3/1975), ở núi Tà Pạ. Khi đất nước giải phóng, ông về lại chùa Lương An Thành, cất lại trại ruộng, đặt bảng hiệu lao động tập thể Công Nông cùng tín đồ khẩn hoang, sản xuất, ổn định cuộc sống. Khi chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra, vào ngày 18/3/1978, ông trở lại Kinh Tư, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, tham gia tích cực chống quân Pôn Pốt - Ieng Sary. Đến ngày 19/7/1978 (âm lịch), ông trở về Trại Ruộng thuộc ấp Lương, xã Lương Phi (xã Lương An Trà cũ), huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Ngày 14/6/1980 (âm lịch), nhằm ngày 25/7/1980 (dương lịch), ông Đạo Sáu viên tịch, tín đồ an táng và đặt mộ phần ông bên cạnh chùa

Huỳnh Vân. Mộ ông được án táng theo hình thức không đắp nấm, để bằng phẳng, giống như quan niệm “tử táng hoàn lại thổ” của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Về kinh giảng giáo lý, Tứ Ân Đạo Phật có sáu quyển kinh, tổng cộng có 63 bài kinh và vài bài kinh giảng, bài Lòng phái, do ông Đạo Sáu sáng tác để dùng trong việc truyền dạy đạo và thực hiện nghi lễ. Khác với đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa (kinh giảng được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm), kinh giảng của nhóm Tứ Ân Đạo Phật được ông Đạo Sáu viết bằng chữ quốc ngữ. Sáu quyển kinh này tín đồ chia ra đọc - “hát” trong mỗi thời cúng nhằm ngày 14 - 15 và 29 - 30 (âm lịch) hằng tháng, hoặc trong các lễ (hội) diễn ra trong năm. Theo tín đồ, sáu quyển kinh sẽ được đọc lần lượt, hôm nay quyển này thì mai đọc quyển kia. Cứ đọc xoay vòng như vậy. Tín đồ học thuộc các bài kinh này rồi đem vào tâm tu hằng ngày⁹. Người gia nhập nhóm đạo được ông Đạo Sáu cấp một Lòng phái, có chữ ký và đạo hiệu của ông, xác nhận là tín đồ của nhóm đạo, gọi là “Giấy chứng minh”. Ngoài ra, khi vào nhóm đạo, tín đồ còn học thuộc bài kinh Lòng phái do ông Đạo Sáu truyền dạy.

Từ khi thành lập đến nay, nhóm Tứ Ân Đạo Phật chưa đăng ký hoạt động chính thức như các tổ chức tôn giáo khác. Nguyên nhân của việc này, theo chúng tôi tìm hiểu, là do tín đồ “vâng theo lời Thầy truyền lại”, đó là chưa đến thời điểm thích hợp để công bố danh đạo cho người khác biết, chỉ cần tín đồ chăm lo tu hành, làm ăn ngay thẳng¹⁰. Theo lời một tín đồ khác, ông Đạo Sáu sợ nhiều người đến cúng kiếng làm ồn ào, trong bản hội có người nảy sinh lòng ham tiền, anh em tín đồ sẽ trở nên không hoà thuận¹¹. Do vậy, có thể nói, sở dĩ đến nay Tứ Ân Đạo Phật chưa đăng ký hoạt động là vì theo lời dạy của ông Đạo Sáu, nhằm tránh sự tác động của xã hội vào đời sống tôn giáo ảnh hưởng tới truyền thống tu hành. Tín đồ Tứ Ân Đạo Phật chỉ quan tâm đến việc làm ăn, tu hành, đó cũng là mong muốn cốt yếu của người khai lập nhóm đạo.

Mặc dù chưa có thống kê chính thức về số lượng tín đồ của Tứ Ân Đạo Phật, nhưng theo một số tín đồ uy tín của nhóm này cho biết, số lượng tín đồ từ thuở khai lập nhóm đạo khá đông. Sau năm 1975, do

chiến tranh biên giới Tây Nam và nhu cầu của cuộc sống, tín đồ di tản đi nhiều nơi sinh sống, như: Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh,... Hiện nay, các tín đồ Tứ Ân Đạo Phật tập trung đông nhất là ở xóm đạo xã Lương Phi (trước kia là Lương An Trà) thuộc huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang và xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo phỏng đoán của tín đồ lão niên, ở xã Lương Phi hiện nay có khoảng trên 2.000 tín đồ¹²; xã Bình Giang có hơn 3.000 tín đồ (Báo cáo của Long Châu điện, 2012), ngoài ra còn các tín đồ sinh sống rải rác ở nhiều vùng thì chưa thể thống kê cụ thể.

Trong quá trình tu hành, truyền đạo, ông Đạo Sáu có lập rất nhiều chùa, am ở các núi trong vùng Bảy Núi, tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân như chiến tranh phá hủy, chùa am xây cất đơn sơ bị hư hại, cư dân xâm lấn làm mất dấu tích... Đến nay, Tứ Ân Đạo Phật còn bốn địa điểm thờ tự quan trọng nhất, là nơi tín đồ tập trung tu hành, đó là: Huỳnh Văn Tự (xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang), Lương An Thành Tự và Sơn Hà Cổ Miếu (xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang), Long Châu Điện (xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang).

2. Phương thức tu hành và tư tưởng giáo lý của Tứ Ân Đạo Phật

2.1. Phương thức tu hành

Mặc dù chưa thể xác định trong thời gian tu học, người sáng lập Tứ Ân Đạo Phật đã quy y tu hành với ai, tuy nhiên, căn cứ trên hệ thống thi giáng, biểu tượng thờ trung tâm và đối tượng phối thờ... cho thấy, nhóm Tứ Ân Đạo Phật kế thừa tư tưởng giáo lý, phương thức tu hành... của hai tôn giáo nội sinh trước đó là Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Điều này cũng được nhiều tín đồ cao niên của nhóm đạo xác nhận rằng Tứ Ân Đạo Phật có gốc từ Bửu Sơn Kỳ Hương và cùng nhánh như Tứ Ân Hiếu Nghĩa của ông Đạo Núi Tượng Ngô Lợi. Trong Lòng phái cấp cho tín đồ, ông Đạo Sáu có in Tứ Bửu Linh tự là “Bửu Sơn Kỳ Hương” (寶山奇香); trên biểu tượng thờ Hạo Ly Thiên và Thánh Thập tự cũng có khắc Hán tự Bửu Sơn Kỳ Hương...

Cũng như Bửu Sơn Kỳ Hương, phương thức tu hành của Tứ Ân Đạo Phật là “cư sĩ tại gia”. Tín đồ chủ yếu lo làm ăn, tu hiền, thực hiện theo giáo lý của Thầy truyền dạy, không xuất gia vào chùa như

Phật giáo. Tín đồ Tứ Ân Đạo Phật được “có vợ có chồng”, “sinh con nối dõi”, hằng ngày lo khai khẩn ruộng đất trồng trọt, tự nuôi sống bản thân và gia đình, không được lệ thuộc vào sự bố thí, chùa không nhận cúng dường quá mức và của quá nhiều người.

Với phương thức tu hành tại gia, có vợ có chồng, khai hoang sản xuất... Tứ Ân Đạo Phật thu hút được người dân khắp vùng Tây Nam Bộ đến quy y học đạo. Người đứng đầu nhóm đạo vừa lãnh đạo tín đồ đoàn khai hoang mở ruộng, tập trung sản xuất, ổn định cuộc sống, vừa chung tay lao động cùng tín đồ, không ngồi chờ phụng dưỡng. Đây được coi là tư tưởng tu hành nhập thế, giống như các tôn giáo nội sinh ra đời trước đó là Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

2.2. Tư tưởng giáo lý của Tứ Ân Đạo Phật

2.2.1. Tư tưởng Phật giáo

So sánh với tư tưởng các tôn giáo nội sinh ra đời ở Tây Nam Bộ và căn cứ trên danh đạo, thi giảng - Hát Thánh, thờ phụng... có thể nhận thấy, tư tưởng cơ bản nhất của Tứ Ân Đạo Phật là “Tứ ân”. Việc lấy tên nhóm đạo là “Tứ Ân Đạo Phật” cũng thể hiện rất rõ nền tảng tư tưởng này trong Phật giáo.

Đồng thời với danh đạo, tư tưởng Tứ ân được xác lập trong rất nhiều câu giảng Hát Thánh mà Ông Đạo truyền dạy. Điển hình như: “Nhờ mỗi đạo Tứ Ân chủ giáo/Vớt chúng tôi lên khỏi biển mê (...)/Theo Tứ Ân chánh đạo xả trừ/Nghiệp báo ấy ta không thù kết (...)/Nhờ Tứ Ân mở đạo quốc gia (...)/Đạo Tứ Ân phước đức ban cho/Chúng chừ vị khỏi làm tà giáo (...)/Mở Tứ Ân chánh giáo công bình/Con thế quyết không khinh khi Thánh đạo (...)/Tâm Tứ Ân niệm đạo công bằng” (Tứ Ân Quốc Đạo, 1974; 7, 11, 15, 17).

Tư tưởng Tứ ân trong Tứ Ân Đạo Phật hay Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo là tư tưởng kế thừa của Phật giáo. Theo Phật giáo thì đó là các ân: “Ân phụ mẫu, ân quốc vương, ân tam bảo, ân chúng sanh” (Vương Kim, 1954; 84). Theo tín đồ của Tứ Ân Đạo Phật thì các ân của Phật giáo đã được giáo chủ truyền dạy gần gũi hơn, phù hợp với đời sống tu hành của tín đồ. Đó là: Ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo, ân đồng bào nhân loại. Tín đồ lấy *Ân tổ tiên cha mẹ* là quan trọng nhất, trước khi thực hiện các ân còn lại.

Bên cạnh tư tưởng Tứ ân của Phật giáo, Tứ Ân Đạo Phật còn chịu ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng Phật giáo thông qua pháp môn tu hành và hình tượng các vị Phật trong thế giới quan của nhóm tôn giáo này. Trong nhiều bài kinh Hát Thánh lưu truyền và pháp môn tu hành của tín đồ khởi giải cho thấy, Tứ Ân Đạo Phật lấy pháp môn Tịnh độ - niệm Phật của Phật giáo làm chủ yếu: “Đắc quả thành niệm Phật từ bi/Hãy cứu rỗi tứ vi phụ mẫu (...)/Vào nước đạo A Di Đà/Tu tỉnh chuộc tội lỗi ngày xưa thất giáo (...)/Đức Phật Tổ Di Đà Phật Thầy ôi/Chúng tôi là người đen tối/Nên gây nhiều ác báo ác lai (...)/Đức Quan Thế Âm Bồ Tát ôi!/Nhờ lệnh Bà cứu khổ cho dân (...)/Thế Chí Quan Âm ôi!/Phóng kim quang hóa độ các loài (...)/Nam Mô A Di Đà Phật/Cùng cứu khổ ngũ châu thế giới (...)/Nam Mô A Di Đà Phật/Nam Mô Di Lặc Tiên Quang Phật/ Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát/Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát (Tứ Ân Quốc Đạo, 1974; 7, 24, 28, 30, 32). Kết thúc mỗi bài kinh trong tập Hát Thánh đều có lời niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” từ một niệm đến ba niệm. Trong hành lễ thời cúng hằng ngày, pháp môn Tịnh độ - niệm Phật cũng được thể hiện rất rõ. Vào mỗi thời cúng, tín đồ niệm Phật liên tục trong nghi thức rót nước, thắp nhang, cúng cơm, hầu chuông... Thông qua mỗi nghi thức, tín đồ niệm Phật trở thành thói quen trong hoạt động tu hành. Nhiều tín đồ cao niên của nhóm tôn giáo này cho biết, tín đồ được giảng dạy đơn giản là: làm hiền, niệm Phật, lao động sản xuất mỗi ngày.

Như vậy, pháp tu Tịnh độ - niệm Phật là chính yếu của Tứ Ân Đạo Phật, pháp môn này phù hợp với hình thức tu tại gia, gắn liền với đời sống thế tục của con người trong bối cảnh lịch sử, xã hội đầy khó khăn, phức tạp, con người vừa lo đời sống vật chất vừa tìm kiếm chỗ dựa tinh thần.

2.2.2. Tư tưởng Đạo giáo

Tư tưởng Đạo giáo cũng có ảnh hưởng sâu đậm trong Tứ Ân Đạo Phật. Ở Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa, bên cạnh phương diện tư tưởng, ảnh hưởng của Đạo giáo còn thể hiện qua hình thức tu hành của tín đồ: rèn luyện Tinh, Khí, Thần, luyện thần chú,... Còn ở Tứ Ân Đạo Phật, tư tưởng Đạo giáo đơn thuần thể hiện qua thế giới quan trong thi giảng và hình tượng các linh thể được thờ phụng.

Thế giới quan Đạo giáo trong Tứ Ân Đạo Phật được thể hiện qua quan niệm hình thành nên vũ trụ, trời đất, vạn vật và con người... tương tự như thế giới quan Đạo giáo được truyền bá ở Nam Bộ: “Từ thánh vô thủy/Lập nên trời đất/Trời là bô hóa thiên nhiên và muôn vật/Chúng tôi nhờ phá nát thạch quang minh/Diệu chiếu khí nãi thiên hạ ốc/Tịch thiên cang địa sát với nhân loài (...)/Muôn ngàn trùng điểm xích Ngũ hành/Phân tổ cắt quang minh tam muội (...)/Âm dương khí nãi thiên bô hóa/Nãi địa dương khí trực lừng xa/Phân hai ngôi chia cách chúng ta” (Tứ Ân Quốc Đạo, 1974; 18).

Và hình tượng các linh thể trong Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian về tạo lập, cai quản vũ trụ, con người cũng được đề cập đến rất nhiều trong các bài Hát Thánh của giáo phái. Điển hình như: “Con có lỗi ăn năn chịu tội/ Nữ Oa Thánh Mẫu, Cửu Thiên ôi!/ Đức Bàn cổ thứ tha cho trẻ/ Hồng Quân Lão Tổ ôi! (...)/ Ngọc Hoàng Thượng Đế Cửu Trùng ôi/ Tha thứ cho dân tai nạn trong hai ngàn năm/ Vì lập thế thiết là khó mới” (Tứ Ân Quốc Đạo, 1974; 31).

Hình tượng các vị thần linh trong Đạo giáo cũng được thờ phụng như Thiên Hoàng - Địa Hoàng - Nhơn Hoàng, thờ Đức Hồng Mông Lão tổ, Địa Mẫu... Đó là những linh thần khai lập nên vạn vật trên trái đất khi thế giới còn hỗn độn, sơ khai....

2.2.3. *Tư tưởng Nho giáo*

Tư tưởng Nho giáo trong Tứ Ân Đạo Phật là tư tưởng về lối ứng xử của con người với con người, từ quá khứ đến vị lai, qua đời hay đang hiện tồn trên nền tảng chữ “Nhân”, đó là sự yêu thương, đùm bọc lẫn nhau không phân biệt “màu da giống thịt”. Con người phải tự “thức tỉnh” mình trước tiên để đối xử tốt đẹp với người khác như trong bài kinh Hát Thánh “Thi thức tỉnh con người”, được quy định tín đồ tụng niệm đầu tiên trong thời cúng. Con người ứng xử với nhau theo cách: “Hiếu nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, năm anh hiệp lại/ Chánh trung thần ngay thảo đạo mâu/ Ta làm con nhớ đến chữ hiền” (Tứ Ân Quốc Đạo, 1974; 2). Tư tưởng Nho giáo ở đây đã được biến đổi cho phù hợp theo quan niệm của con người cần bình đẳng với nhau trong đời sống, dù có “thứ bậc”: “Trước nhỏ thì mình phải làm lớn/ Đến nên người mới

được làm thầy/ Tớ với thầy, thầy tớ cũng như nhau/ Khuyên răn đó xét sao thì xét” (Tứ Ân Quốc Đạo, 1974: 2).

Tư tưởng Nho giáo còn được thể hiện qua việc thờ phụng Già Lam Quan Thánh Đế Quân đặt nơi bàn thờ trung tâm chính điện của chùa. Theo tín đồ Tứ Ân Đạo Phật, Già Lam Quan Thánh Đế Quân biểu hiện cho sự trung cương, nghĩa khí... của Nho giáo. Quan Công - Vân Trường là biểu tượng thiêng tối cao của tư tưởng Nho giáo, ảnh hưởng rất lớn trong đời sống tinh thần của người dân Nam Bộ. Ngoài ra, tư tưởng Nho giáo còn thể hiện qua cách thức chấp tay lạy “chéo hai ngón tay cái” vào nhau trong quá trình thực hành nghi lễ. Việc chấp “chéo hai ngón tay cái”, theo tín đồ, hình thức này được gọi là chữ Nhân (人) - “đạo Nhân”. Có nghĩa là con người tu hành phải làm theo “nhân, lễ, nghĩa, trí, tín”... trong đời sống tu hành hằng ngày.

Qua một số phân tích và dẫn liệu điển hình cho thấy, Tứ Ân Đạo Phật thể hiện sự dung hợp Tam giáo. Tư tưởng Tam giáo này được thể hiện rất rõ, sâu đậm từ các bài kinh Hát Thánh đến việc thờ phụng, nghi lễ... Trong đó, tư tưởng và pháp môn tu hành Phật giáo đóng vai trò chủ đạo, thể hiện qua qua danh xưng: Tứ Ân Đạo Phật.

2.3. Đặc trưng thờ phụng của Tứ Ân Đạo Phật

Các hình tượng được thờ phụng trong chùa của Tứ Ân Đạo Phật rất phong phú, đa dạng, thể hiện tư tưởng Tam giáo đồng nguyên và chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian rất độc đáo¹³. Trong ngôi chùa Tứ Ân Đạo Phật, ngôi thờ trung tâm chính điện, trên cao nhất là bàn thờ với biểu tượng Trần điều, có Hán tự in nổi với ý nghĩa là thờ Phật Tổ (佛祖). Theo tín đồ thì bàn thờ này biểu trưng cho vị Phật cao nhất được tôn thờ là Phật Vương - Phật Tổ. Trần điều biểu thị cho vị Phật Tổ là Phật Vương. Bàn thờ phía dưới Trần điều thờ Đức Thánh Vô Vi. Bàn thờ này được bài trí đơn giản, chỉ lư hương và bài vị thờ. Đức Thánh Vô Vi là ai, Phật, Thánh hay Tiên vẫn chưa được tín đồ giải thích rõ ràng. Có tín đồ cho rằng, đó là thờ Tứ Bửu linh tự “Bửu Sơn Kỳ Hương” và Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền. Phía dưới bàn thờ Đức Thánh Vô Vi là bàn thờ Đức A Di Đà. Phía dưới bàn thờ Đức A Di Đà là bàn thờ Già Lam Quan Đế - Quan Thánh Đế Quân, được thể hiện bằng hình ảnh ba vị Quan Công - Quan Bình - Châu Xương.

Trong chùa Tứ Ân Đạo Phật, nhiều hình tượng khác được lập thờ ở các vị trí khác nhau, tùy theo không gian ngôi chùa, giữa các chùa không có sự sắp đặt vị trí cụ thể, ngoại trừ các hình tượng được thờ ở bàn thờ trung tâm. Trong chùa có thờ Hộ Pháp Di Đà và Tiêu Diện Đại Sĩ. Đây là các vị Bồ tát trong Phật giáo Bắc tông. Bàn thờ được biểu hiện bằng Trần điều và các Hán tự tên các vị Phật được viết trên đó.

Trong tín ngưỡng dân gian thờ Cửu Huyền Thất Tổ của người Việt ở Nam Bộ có Bàn Cổ Sơ Xuất Cửu Huyền và Bàn Cổ Sơ Xuất Thất Tổ, tuy nhiên, theo quan niệm của Tứ Ân Đạo Phật, đây là các vị ra đời từ thời “Bàn Cổ” sơ khai lập địa, những người sinh ra vạn dân bá tánh. Theo chúng tôi, đây có thể là sự ảnh hưởng từ quan niệm của người Trung Hoa về “Bàn Cổ” là nguồn gốc của loài người, thông qua người Hoa di cư đến vùng Nam Bộ. Và cũng có thể đó là sự tiếp nối trong biểu tượng thờ “Bàn Cổ” của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Tuy nhiên, trong đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đó là biểu tượng “cái bàn” có tên gọi là “Bàn Cổ”, được khắc in các con vật trong mười hai con giáp và nhiều bài kinh chữ Hán, biểu tượng bùa chú khác... Bàn Cổ Sơ Xuất Cửu Huyền và Thất Tổ trong Tứ Ân Đạo Phật không có các biểu tượng này. Ở mỗi bàn thờ có một tấm Trần điều có viết lên các Hán tự 盤古所出九玄 (Bàn Cổ Sơ Xuất Cửu Huyền) và 盤古所出七祖 (Bàn Cổ Sơ Xuất Thất Tổ). Phía trước của mỗi bàn thờ có treo một cái “bảng” làm bằng gỗ, tron nhãn, ngang 2cm, cao 4cm, khi cúng dùng để đánh “khai bàn”.

Giống như Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nhóm Tứ Ân Đạo Phật cũng thờ Ngũ Công Vương Phật. Đây là các vị Phật có tầm ảnh hưởng quan trọng trong thế giới quan và đời sống tâm linh của tín đồ Tứ Ân Đạo Phật (cũng như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa). Ngũ Công Vương Phật là các vị Phật: “Nam mô Chí công vương Phật/Nam mô Đường công vương Phật/Nam mô Bửu công vương Phật/Nam mô Hóa công vương Phật/Nam mô Lãng công vương Phật” (Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, 1870/2001; 30). Trong bài kinh tụng *Mạc kiếp Báo ân* của Bửu Sơn Kỳ Hương, hình tượng Phật Năm Ông là: “Nam mô Đông phương Thanh đế Giáp Ất Mộc Chí Công Vương Phật/Nam mô Tây phương Bạch đế Canh Tân Kim Lãng Công Vương Phật/Nam mô Trung ương

Huỳnh đế Mỗ Kỳ Thổ Đường Công Vương Phật/Nam mô Nam phương Xích đế Bính Đinh Hỏa Bửu Công Vương Phật/Nam mô Bắc phương Hắc đế Nhâm Quý Thủy Hóa Công Vương Phật” (Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương - Phật Thầy Tây An, 2005: 25). Ngũ Công Vương Phật trong chùa Tứ Ân Đạo Phật, mỗi vị Phật được thờ tương ứng với một hướng: Đông - Tây - Nam - Bắc và Trung tâm/Trung ương. Biểu tượng thờ mỗi vị Phật là trần điều được viết lên các Hán tự ghi danh các vị Phật.

Hạo Ly Thiên là một biểu tượng độc đáo trong chùa Tứ Ân Đạo Phật. Biểu tượng này còn được gọi là Cân Công lý của Trời, có hình dáng là một trụ bằng gỗ tốt, được tạo thành hình chữ thập, cao khoảng hai mét. Dưới chân trụ đặt một bàn thờ. Phía trên cùng của trụ được khắc hình hoa sen, trên đó đặt một chiếc đèn dầu nhỏ, thấp sáng liên tục từ ngày này qua ngày khác. Hai bên nhánh chữ thập được chạm khắc hình đầu chim, gắn hai giá cân bằng sắt to. Theo tín đồ Tứ Ân Đạo Phật thì Hạo Ly Thiên dùng để cân đo trọng lượng về “tội” và “phước” của con người khi chết đi. Chiếc đèn thấp trên Hạo Ly Thiên là đèn lưu ly. Đây được xem là ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo về cõi địa ngục, nơi phân xử tội, phước của con người đã làm khi còn sống.

Cửu phẩm lệnh bà cũng được thờ trong chùa Tứ Ân Đạo Phật. Đây là các nữ thần trong Đạo giáo và đã được chuyển hóa thành tín ngưỡng dân gian. Theo dân gian, “Cửu phẩm chỉ biết là phẩm trật tuần tự của các vị thần từ thấp đến cao. Có người gọi đó là Cửu phẩm lệnh bà. Còn cụ thể là các vị thần nào thì chưa thể hiểu rõ” (Võ Văn Sen, chủ biên, 2020: 445).

Theo tác giả Đức Nguyên Nguyễn Văn Hồng, Cửu phẩm là chức vị hàm chỉ các thần tiên trong Cửu phẩm thần tiên: Chỉ chung các đẳng thiêng liêng từ phẩm Thần đến phẩm Tiên. Cửu phẩm thần tiên gồm: ba bậc thần, ba bậc thánh và ba bậc tiên, từ thấp đến cao. Cụ thể, ở bậc thần gồm có: Địa thần, Nhơn thần, Thiên thần; ở bậc thánh có: Địa thánh, Nhơn thánh, Thiên thánh; ở bậc tiên có: Địa tiên, Nhơn tiên, Thiên tiên. Cửu phẩm thần tiên là các vị có nhiệm vụ cai quản và điều hành sự vận chuyển và tiến hóa trong khắp càn khôn vũ trụ và vạn vật (Đức Nguyên Nguyễn Văn Hồng, 2003: 628, 629).

Tứ Ân Đạo Phật còn thờ Thất vị tiên nương. Theo tín đồ, đây là bảy vị tiên nương của cõi Trời. Các bàn thờ Cửu phẩm lệnh bà và Thất vị tiên nương được biểu hiện bằng trần điều trên có ghi tên các vị thần bằng chữ Hán.

Một biểu tượng thờ độc đáo khác trong chùa Tứ Ân Đạo Phật là Thánh Thập tự. Thánh Thập tự là một biểu tượng làm bằng gỗ tốt hình chữ thập, thân gỗ được chế tác theo hình bát giác, chu vi khoảng 60 cm, chiều cao 2 mét. Biểu tượng Thánh Thập tự giống như cây thập giá của Công giáo. Trên Thánh Thập tự được chạm khắc hình rồng và các Hán tự (theo chiều từ trên xuống) “Bửu Sơn Kỳ Hương Nhân Công Thần Bộ”; ở hai bên trái và phải của nhánh của Thánh Thập tự khắc hai chữ Hán lần lượt là “Nhật” và “Nguyệt”. Theo giải thích của tín đồ, hai chữ Hán này có nghĩa là “minh” (明=>日+月) - sự sáng suốt, con người phải sáng suốt trên đường tu hành như Mặt trời (日), mặt trăng (月). Ở đỉnh Thánh Thập tự được chạm khắc hình hoa sen, trên đặt biểu tượng đèn dầu, được thắp liên tục ngày đêm, gọi là đèn lưu ly; phía dưới chân Thánh Thập tự đặt bàn thờ. Theo tín đồ Tứ Ân Đạo Phật, Thánh Thập tự biểu trưng cho “mười phương chư Phật” trong thế giới quan Phật giáo.

Chùa của Tứ Ân Đạo Phật cũng thờ Công Đức Lâm. Vị Công Đức Lâm là ai thì nhiều tín đồ không giải thích rõ ràng, chỉ biết rằng đó là vị Bồ tát. Theo chúng tôi, vị Công Đức Lâm là câu niệm tụng thường gặp trong Phật giáo: Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát đại chứng minh. Bước đầu có thể cho rằng, Công Đức Lâm là vị Bồ tát thờ xuất phát từ câu niệm tụng trong Phật giáo.

Trong chùa Tứ Ân Đạo Phật có bàn thờ Tam giáo thánh nhân. Bàn thờ với biểu tượng trần điều và chữ Hán 三教聖人 “Tam Giáo Thánh Nhân”. Theo tín đồ thì Tam giáo thánh nhân là các vị Phật - Thánh - Tiên.

Một biểu tượng khác là Chư vị quá khứ, là các tín đồ của nhóm đạo, khi xưa theo ông Đạo Sáu tu hành, khi qua đời được phụng thờ. Nhưng cũng có giải thích khác là thờ các vị “đời trước” tu hành, có nhiều công đức từ xa xưa. Bàn thờ được bài trí bằng trần điều và các Hán tự.

Tứ Ân Đạo Phật thờ Chiến sĩ Vị quốc vong thân. Do nhóm đạo lấy Tứ ân làm trọng, trong đó Ân đất nước là đền đáp ơn nghĩa đối với tổ quốc... nên tín đồ thờ phụng những người vị quốc vong thân. Trong nghi lễ hằng ngày, tín đồ đều cúng cơm, trà, bánh, bái lạy. Trần điều có ghi Hán tự 戰士為國亡身 (Chiến Sĩ Vị Quốc Vong Thân).

Nhóm đạo thờ Trăm quan cự thân, là các vị quan thời xưa, có công với đất nước trong kháng chiến chống giặc và khai hoang lập làng.... Các vị quan này khi qua đời được tôn thành thần nên được thờ phụng.

Bá tánh vạn dân là những người từ nhiều đời nhiều kiếp trước bị xiêu mờ lạc mả, trong đó có ông bà, người thân của mình, nên phải thờ phụng. Bá tánh vạn dân được phân ra thành hai bàn thờ: Bên nam và bên nữ. Đây được coi là sự bình đẳng giữa hai đối tượng thờ của Tứ Ân Đạo Phật, khác với tín ngưỡng dân gian của người Việt Nam Bộ chỉ chủ yếu thờ Bá tánh vạn dân bên nam mà không hoặc hiếm khi thờ Bá tánh vạn dân bên nữ.

Hai ban Tiền giảng và Hậu giảng được lập thờ riêng. Theo tín đồ cho biết, Tiền giảng là những tín đồ theo ông Đạo Sáu tu hành từ khi mới khai đạo, đã qua đời, nên được thờ phụng. Hậu giảng là những tín đồ sau này tu hành, làm công quả trong chùa. Khi những người này qua đời mà không có gia đình thân thích hoặc họ có nguyện vọng được thờ trong chùa thì được nên lập bàn thờ. Nói chung, Tiền giảng và Hậu giảng là những tín đồ thuộc hàng “thân bằng quyên thuộc” của nhóm đạo.

Bàn thờ Tiền khúc thần tự được lập bên ngoài chùa, ngay cạnh tả môn và hữu môn. Trên bàn thờ là hình lưỡng long vờn mây hạ châu, với các Hán tự ghi 前曲神寺 (Tiền Khúc Thần Tự). Tiền khúc thần tự là vị thần trông coi phía trước ngôi chùa, giống nhưng ông Thiện và ông Ác canh giữ hai bên tả môn và hữu môn trước khi bước vào chính điện ở ngôi chùa Phật giáo. Phía dưới bàn thờ này là bàn thờ ông Hồ uy nghi. Bàn thờ Hậu khúc thần tự được đặt phía sau cùng ngôi chùa, vách bên ngoài. Bàn thờ có biểu tượng màu vàng với các Hán tự 後曲神寺 (Hậu Khúc Thần Tự). Biểu tượng rồng không được họa ở bàn

thờ này, bởi vì, theo tín đồ thì rồng đặt ở phía vách hậu (tín đồ gọi là “sau hè”) không được trang nghiêm. Tương tự như Tiên khúc thần tự, Hậu khúc thần tự là vị thần canh giữ phía sau ngôi chùa, không cho ma quỷ xâm nhập.

Phía hậu điện, vách sau cùng ngôi chùa là bàn thờ Thần Thành hoàng. Bàn thờ có biểu tượng màu đỏ và chữ Hán 神 (Thần) viết lớn trên vách tường. Theo tín đồ đây là vị Thần Thành hoàng làng. Vào ngày cúng rằm, tín đồ thực hiện nghi thức cúng Thần Thành hoàng trước khi hành lễ ở các bàn thờ nơi chính điện.

Bên cạnh việc thờ các vị Phật - Thánh - Tiên hay các vị thần trong tín ngưỡng dân gian, chùa còn thờ ông Đạo Sáu và Tổ đường. Bàn thờ ông Đạo Sáu - người khai sáng Tứ Ân Đạo Phật được thờ ở trung tâm hậu điện, đặt sau bàn thờ Tam giáo thánh nhân. Bàn thờ có di ảnh ông Đạo Sáu và các Hán tự có ý nghĩa nhắc nhở tín đồ chuyên tâm tu hành, hương khói hằng ngày. Bàn thờ Tổ đường là nơi thờ cha mẹ của ông Đạo Sáu, do ông lập thờ. Bàn thờ được bài trí Hán tự 祖堂 (Tổ Đường) trên nền màu đỏ.

Ngoài ra, trong chùa Tứ Ân Đạo Phật còn thờ một số vị thần khác như thần Chung, thần Mỗ, thần Cỏ, thần Gia trạch (thổ thần),... vừa mang tính tôn giáo vừa kế thừa tín ngưỡng dân gian.

Phía bên ngoài sân chùa là bàn thờ Thông thiên ba tầng. Bàn thờ Thông thiên của Tứ Ân Đạo Phật hoàn toàn khác với bàn thờ Thông thiên trong đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Ở các tôn giáo này, bàn thờ Thông thiên bài trí hai tầng: Thiên hoàng và Địa hoàng tương ứng với thờ Trời và Đất. Tuy nhiên, ở nhóm tôn giáo Tứ Ân Đạo Phật, bàn Thông thiên được thiết lập ba tầng. Căn cứ vào chữ Hán tại mỗi bàn thờ và lời giải thích của tín đồ thì bàn thờ cao nhất đặt ba lư hương biểu thị cho Thiên hoàng - Địa hoàng - Nhơn hoàng; bàn thờ tầng giữa với hai lư hương thờ Hồng Mông Giáo chủ, và bàn cuối cùng thờ Địa Mẫu Vô cực từ tôn với một lư hương.

Ngoài sân chùa cũng có lập hai ngôi miếu lớn và khang trang thờ Ngũ nhạc Sơn thần và Ngũ vị Công nương Vương Thánh (Bà Ngũ Hành).

Theo thống kê sơ bộ của chúng tôi, trong chùa Tứ Ân Đạo Phật thờ tổng cộng ba mươi sáu bàn thờ, bao gồm tám bàn thờ bên ngoài và hai mươi tám bàn thờ bên trong chùa. Có thể thấy, việc thờ phụng của nhóm tôn giáo này rất phức tạp, thể hiện tư tưởng Tam giáo đồng nguyên và dung nạp tín ngưỡng dân gian giống như những gì trong kinh giảng Hát Thánh mà giáo chủ truyền dạy. Ở các ngôi chùa, tùy thuộc vào không gian mà có cách thiết lập bàn thờ ở các vị trí khác nhau. Tuy nhiên, những bàn thờ quan trọng nhất thường được đặt ở vị trí trung tâm.

2.4. Về nghi lễ của Tứ Ân Đạo Phật

So với các tôn giáo nội sinh vùng Tây Nam Bộ, nghi lễ của Tứ Ân Đạo Phật khá phức tạp, giống như Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Theo chúng tôi, sự phức tạp này có hai nguyên nhân: *Thứ nhất*, là do đối tượng thờ phụng của Tứ Ân Đạo Phật khá nhiều; *thứ hai*, do ảnh hưởng nghi lễ của các tôn giáo khác và nghi lễ truyền thống dân gian¹⁴. Chùa Tứ Ân Đạo Phật quy định một ngày tín đồ thực hiện bốn thời cúng: 4 giờ sáng, 12 giờ trưa, 16 giờ (4 giờ chiều) và 19 giờ (7 giờ tối). Theo tín đồ cao niên, uy tín của nhóm tôn giáo này thì trước đây ông Đạo Sáu quy định cúng tứ thời: 6 giờ sáng và 12 giờ trưa, 18 giờ và 0 giờ (12 giờ khuya). Thời cúng 0 giờ và 12 giờ trưa dành cho đồng nghi cúng; quy định thời cúng 6 giờ sáng, nhưng 4 giờ thì dành cho đàn ông cúng trước vì đàn bà giờ đó lo giữ con, sau đó đàn bà cúng vào 6 giờ sáng; thời cúng 18 giờ (6 giờ chiều) cũng vậy, đàn ông cúng trước vào lúc 16 giờ, đàn bà cúng sau - vào 18 giờ. Sau đó, do quy định thời gian hành lễ như vậy khá bất tiện, nên cộng đồng tín đồ thống nhất cúng như ở trên. Mặc dù quy định như vậy, nhưng trong thực tế nếu có lý do đặc biệt, tín đồ có thể thực hiện cúng sớm hoặc muộn hơn. Trong chùa Tứ Ân Đạo Phật, bên cạnh các lễ cúng lớn trong năm như ngày khai đạo, ngày viên tịch của người khai đạo, ngày rằm Tam nguyên,... thì ngày 14, 15 và 29, 30 hằng tháng đều có tổ chức lễ cúng tứ thời và tụng kinh (cúng thường nhật thì không tụng kinh). Nghi lễ diễn ra trong các thời cúng khá nhiều và phức tạp. Nội dung dưới đây sẽ tập trung khảo tả những nghi thức chính của ba thời cúng tiêu biểu nhất.

2.4.1. Thời cúng nọ

Thời cúng nọ bắt đầu lúc 11 giờ và kết thúc lúc 12 giờ, gọi là thời cúng cơm cho các vị Phật - Thánh - Tiên,... được thờ trong và ngoài chùa. Bắt đầu vào giờ cúng, tín đồ thực hiện nghi thức rót nước cúng trên tất cả các bàn thờ. Sau đó, tín đồ cắm nhang ra trước bàn thờ chính điện thực hiện nghi thức đánh chuông, lấy dầu thánh ở bàn thờ trung tâm và tứ phương. Cách thức lấy dầu thánh như sau: Tín đồ giơ bó nhang lên trán, sau đó hạ xuống đưa qua bên vai trái rồi đưa qua bên vai phải, đưa lại giữa ngực, cúi xá một xá. Kết thúc nghi thức lấy dầu thánh tứ phương, tín đồ quay vào bàn thờ chính điện đọc bài nguyện “Cúng cơm nọ”. Nguyện xong, tín đồ cắm nhang trên từng bàn thờ.

Đồng thời với tín đồ làm nghi thức dâng hương, một tín đồ khác thực hiện nghi thức dâng cơm cúng trên bàn thờ. Mỗi bàn thờ dâng cúng từ một đến ba chén cơm, tùy theo bàn thờ đơn hay phối thờ nhiều vị. Tín đồ chỉ dâng cơm cúng (cơm lạt/cơm trắng), ngoài ra không cúng bất kỳ vật phẩm nào khác. Dâng cơm xong, tín đồ tiến hành nghi thức lạy trình lễ ở bàn thờ Tam giáo thánh nhân và bàn thờ Thầy (ông Đạo Sáu) ở hậu điện. Thực hiện xong nghi lễ ở bàn thờ Tam giáo thánh nhân và bàn thờ Thầy, tín đồ ra phía trước bàn thờ trung tâm chính điện thực hành nghi thức tụng kinh.

Tín đồ đứng trang nghiêm, hai bàn tay chắp vào nhau theo cách thức tám ngón tay duỗi thẳng, hai ngón tay cái chéo vào nhau theo hình chữ Nhân [人]¹⁵. Tay chắp thực hiện nghi thức lấy dầu thánh trước bàn thờ chính điện và tứ phương. Mỗi lần lấy dầu thánh ở một hướng, tín đồ đánh ba tiếng chuông. Xong nghi thức lấy dầu thánh, tín đồ quỳ xuống trước bàn thờ chính điện thực hiện nghi thức lạy. Trước khi vào phần lạy, tín đồ gõ ba tiếng chuông. Tay chắp đưa lên trán đọc bài nguyện cúng Cúng cơm nọ. Khi đọc xong bài nguyện, tín đồ thực hiện nghi thức lạy đối với các vị Phật - Thánh - Tiên - Thần - người... được thờ trong và khuôn viên bên ngoài chùa. Mỗi lần thực hiện một lạy, tín đồ gõ một tiếng chuông. Tổng cộng tín đồ thực hiện 254 lạy và đánh 254 tiếng chuông, có 41 hình tượng Phật - Thánh - Tiên - người được đề cập đến trong quá trình thực hiện nghi thức lạy. Hoàn thành nghi thức lạy, tín đồ đứng dậy thực hiện nghi thức lấy dầu thánh trước bàn thờ chính

điện và tứ phương. Hoàn thành nghi thức lấy dầu thánh, tín đồ đánh ba tiếng chuông trên bàn thờ ở chính điện. Hai tay ốp vuốt lên đầu từ trán ra sau gáy, đầu cúi xuống. Như vậy là kết thúc thời Cúng cơm ngô.

2.4.2. Thời cúng 16 giờ

Ở thời cúng này nghi lễ đơn giản hơn thời cúng ngô. Trước tiên, tín đồ thực hiện nghi thức dâng cúng nước. Đồng thời, một tín đồ khác thực hiện đốt nhang, cắm nhang lên tất cả các bàn thờ. Tiếp theo là nghi thức Hài chuông. Tín đồ đến đại hồng chung chấp tay cầu nguyện, sau đó giống lên một hồi chuông dài. Kết thúc hồi chuông, tín đồ vừa giống từng nhịp chuông vừa đọc bài kinh “Khai chung”. Kết thúc bài kinh “Khai chung”, tín đồ tiếp tục ngồi lại trên ghế và niệm Phật. Tín đồ niệm Phật trong khoảng 5 phút thì lại giống một tiếng chuông; cứ thực hiện như vậy đến trong khoảng thời gian 30 – 60 phút thì nghỉ. Thời gian dành cho nghi thức này lâu hay mau tùy theo sức khỏe và tâm niệm của tín đồ. Cuối cùng, tín đồ giống ba hồi chuông dài, đứng dậy xá đại hồng chung một xá, sau đó lại bàn thờ ở chính điện xá một xá và xoay người xá tứ phương. Như vậy là kết thúc nghi lễ thời cúng 16 giờ.

2.4.3. Thời cúng 19 giờ vào ngày 14, 15 và 29, 30 âm lịch hằng tháng

Vào ngày cúng rằm 14, 15 và 29, 30 hằng tháng, nghi lễ thời cúng trưa (12 giờ) và chiều (16 giờ) thực hiện như ngày thường, riêng thời cúng 19 giờ có nhiều nghi thức phức tạp hơn. Vào ngày thường, thời cúng 19 giờ, tín đồ không thực hiện nghi thức tụng kinh, mà chỉ được thực hiện giống như nghi thức 16 giờ.

Vào những ngày này, đến thời cúng 19 giờ, tín đồ tập trung rất đông ở chùa. Trước tiên là nghi thức dâng nước cúng và thấp nến (đèn cầy) ở tất cả các bàn thờ, được thực hiện bởi hai hoặc ba tín đồ. Một tín đồ khác đốt một bó nhang, đứng trước bàn thờ trung tâm chính điện, đánh hai tiếng chuông. Sau đó thực hiện nghi thức lấy dầu thánh trước bàn thờ trung tâm và tứ phương (xoay người theo chiều từ phải sang trái). Sau nghi thức lấy dầu thánh, tín đồ này quỳ xuống đưa bó nhang lên trán nguyện, kết thúc bài nguyện thì chia cho hai hoặc ba tín đồ đi cắm nhang trên các bàn thờ (có 36 bàn thờ). Một tín đồ khác đem từng đĩa nhỏ đựng bánh ngọt dâng cúng lên bàn thờ. Một tín đồ

khác thực hiện nghi thức đánh ba hồi kiêng (kêng). Tín đồ phụ trách chuông giống một hồi chuông dài, đồng thời đọc bài kinh “Khai chung”. Tiếp đó, tín đồ giống chuông tiếp tục thực hiện nghi thức “hầu chuông - niệm Phật” cho đến khi kết thúc thời cúng. Sau đó người ta đánh tiếp ba hồi kiêng, người hầu chuông vừa niệm Phật vừa nhẹ nhàng giống chuông từng nhịp theo tiếng kiêng.

Phía hậu điện, các tín đồ tập trung theo nhóm nam tả, nữ hữu làm nghi thức cúng ra mắt và trình lễ trước bàn thờ Tam giáo Thánh nhân, bàn thờ Thầy Tổ và bàn thờ Thần Thành hoàng,... Trước tiên, các tín đồ đồng quỳ xuống, một tín đồ chủ lễ là tỳ kheo¹⁶ đứng lên trước bàn thờ Tam giáo thánh nhân và Thầy Tổ đánh ba hồi chuông đặt trên bàn thờ. Tín đồ đồng quỳ xuống đọc bài nguyện. Nguyện xong, cúi người lạy năm lạy. Xong năm lạy, tín đồ quay ra sau bàn thờ Thần Thành hoàng vái nguyện, lạy mười hai lạy. Tín đồ tiếp tục xoay người sang bàn thờ Chư vị quá khứ vái nguyện và lạy năm lạy. Sau đó tín đồ đồng đứng dậy, quay mặt trước bàn thờ Tam giáo thánh nhân và bàn thờ Thầy khoanh hầu hai tay vào ngực niệm, nguyện kính lễ. Một tín đồ bưng khay lễ trên bàn thờ Thầy ra đặt trước bàn thờ ở trung tâm chính điện. Nghi thức bưng khay lễ này được gọi là “mời Thầy ra chứng giám/dự lễ cúng cùng tín đồ”. Tín đồ cùng tề tựu lại phía trước bàn thờ trung tâm chính điện, tay cầm cây nhang, kẹp nhang ở giữa ngón tay *trỏ* và *ngón giữa* của bàn tay trái đối với nam; kẹp nhang ở ngón *trỏ* và ngón *giữa* của bàn tay phải đối với nữ. Cây nhang này sẽ được cầm-kẹp trên tay để thực hành xuyên suốt đến khi gần kết thúc nghi lễ thời cúng. Tín đồ đồng quỳ xuống, chủ lễ là tín đồ tỳ kheo (thủ chuông)¹⁷ đánh ba hồi chuông. Vừa kết thúc tiếng chuông, tín đồ tỳ kheo thứ hai (thủ mõ) đánh lên ba hồi mõ, gọi là nghi thức “khai chuông” và “khai mõ”.

Kết thúc nghi thức “khai chuông”, “khai mõ”, tín đồ đồng đứng dậy làm nghi thức lấy dấu thánh ở bàn thờ trung tâm và tứ phương. Phương hướng của nghi thức lấy dấu thánh giữa tín đồ nam và nữ khác nhau, thực hiện theo quy tắc mà Thầy truyền dạy: “Hòa nam - xá trong - Thánh chúng - xá ngoài/Hòa chúng - nam nữ đối diện”.

Hoàn thành nghi thức lấy dấu thánh, tất cả tín đồ đồng quỳ xuống thực hiện nghi thức đọc kinh “Hát Thánh”. Ông tỳ kheo chủ lễ dẫn

kinh đọc bài “Nguyện hương”. Xong bài nguyện, tín đồ cúi xuống lạy năm lạy cùng với năm tiếng chuông. Tín đồ quay ra hướng bàn thờ Hộ pháp Di Đà và Tiêu Diện Đại sĩ (đôi diện bàn thờ chính điện) đọc bài nguyện. Nguyện xong, cúi lạy sáu lạy, mỗi lạy đánh một tiếng chuông. Tín đồ quay người vào bàn thờ trung tâm chính điện đọc bài nguyện. Xong lời nguyện, tín đồ cúi lạy tám lạy và đánh tám tiếng chuông. Tiếp theo, tín đồ đồng đưa nhang lên trán nguyện và bắt đầu đọc bài kinh Hát thánh: “Thi thức tỉnh con người”, với 64 câu kinh và sáu câu niệm danh xưng các vị Phật, Thần, Thánh,... Kết thúc bài kinh, tín đồ lạy bốn lạy và đánh bốn tiếng chuông, sau đó chuyển sang đọc bài kinh Nhập thánh, gồm 45 câu và một câu niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”. Kết thúc bài kinh Nhập thánh, tín đồ cúi lạy bốn lạy, mỗi lạy hòa với một tiếng chuông. Tín đồ tiếp tục tụng bài “Hát Phật” gồm 43 câu, sau đó niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” và cúi lạy bốn lạy, mỗi lạy đi kèm một tiếng chuông. Đại diện tín đồ nam, nữ hai bên gom nhang của các tín đồ đến cắm trên bàn thờ trần điều nơi chính điện và bàn thờ Hộ pháp.

Sau đó, tín đồ đọc tiếp bài: “Nhớ cha mẹ ngày xưa một giống loài người tất cả ngũ châu đại đạo”. Kết thúc 61 câu kinh tụng, tín đồ niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, cúi lạy bốn lạy, mỗi lạy đánh một tiếng chuông. Tiếp đến, trước khi đọc bài kinh: “Phóng xả linh hồn cho vào cửa đạo”, tín đồ đọc bốn câu chú, mỗi câu đánh một tiếng chuông. Sau bài kinh 58 câu, tín đồ cúi lạy bốn lạy, mỗi lạy kèm một tiếng chuông. Tín đồ tỳ kheo chủ lễ dẫn kinh tiếp chuyển qua bài: “Lạy cầu Tam giáo Hội đồng”. Tín đồ khi tụng bài kinh này thực hiện nghi thức “lạy” ở mỗi câu kinh, kèm một tiếng chuông. Bài kinh này có 50 câu, tín đồ thực hiện 50 lạy và giống 50 tiếng chuông. Tiếp theo là bài kinh “Dâng cúng nước mát”. Kết thúc bảy câu kinh, tín đồ cúi lạy một lạy và đánh một tiếng chuông. Tín đồ tụng tiếp bài kinh “Dâng cúng nước trà” gồm chín câu, sau đó lạy một lạy và đánh một tiếng chuông. Sau đó là bài kinh “Dâng cúng bông” gồm mười câu, tín đồ cúi đầu lạy một lạy và đánh một tiếng chuông khi kết thúc. Tín đồ chuyển nguyện đọc bài “Dâng cúng hoa quả”, kết thúc mười hai câu kinh, tín đồ lạy sáu lạy và đánh sáu tiếng chuông (mỗi lạy đánh một tiếng chuông). Tín đồ đọc

tiếp kinh “Nguyện 1” và “Nguyện 2”. Kết thúc mỗi bài kinh nguyện, tín đồ lạy một lạy, sau đó đánh một tiếng chuông. Sau bài kinh “Nguyện 3”, tín đồ lạy ba lạy, sáu lạy, mỗi lạy đánh một tiếng chuông.

Tiếp đó, tín đồ đồng đứng dậy thực hiện nghi thức lạy dấu Thánh ở bàn thờ trung tâm và tứ phương. Mỗi nghi thức lạy dấu Thánh ở một hướng đánh hai tiếng chuông. Kết thúc nghi thức lạy dấu Thánh, tín đồ thực hiện nghi thức “xá hợp chúng” đối mặt nam và nữ. Sau đó, tín đồ đồng xoay người hướng về bàn thờ trung tâm chính điện thực hiện nghi thức “bái gối”. Tín đồ đồng đứng trang nghiêm trước bàn thờ, hai tay chắp hình búp sen, một chân quỳ xuống, người cúi về trước, đầu gối sát đất, chân còn lại trụ đứng, cùi chỏ của tay bên chân trụ dựng đứng đặt lên đầu gối, mặt/trán cúi gục đặt lên bàn tay cầm nắm hình búp sen đang đưa ra phía trước. Về quy tắc “bái gối”, giữa nam và nữ nghi thức khác nhau như Thầy đã dạy: “Nam chân hữu quỳ xuống/Nữ chân tả quỳ xuống” - chân còn lại làm trụ. Có nghĩa là tín đồ nam quỳ chân phải, chân trái dựng làm trụ, cùi chỏ tay trái chống lên gối chân trái (đang làm trụ). Tín đồ nữ thì chân trái quỳ xuống, chân phải dựng làm trụ, cùi chỏ tay phải chống lên gối chân phải (đang làm trụ). Tín đồ quỳ “bái gối” và niệm Phật khoảng một phút, theo bốn tiếng chuông của ông tỳ kheo chủ lễ. Sau đó, tín đồ bưng mâm khay lễ trình cúng đã đặt trên bàn thờ trung tâm chính điện trước đó vào đặt trở lại trên bàn thờ của Thầy. Điều này có ý nghĩa là “nghi lễ đã xong, xin mời Thầy trở lại nghỉ ngơi”. Sau đó, tín đồ vào hậu điện đứng tề tựu trước bàn thờ Tam giáo thánh nhân và bàn thờ Thầy làm nghi lễ bái tạ bằng nghi thức xá một xá hoặc lạy dấu Thánh. Như vậy là kết thúc buổi lễ cúng rằm vào ngày 14 - 15 hằng tháng, thời cúng 19 giờ.

Miêu thuật trên chỉ là những nghi thức chính trong quá trình hành lễ, ngoài ra còn nhiều nghi thức khác. Trong các lễ hội cúng hằng năm ở chùa còn nhiều nghi thức phức tạp hơn. Qua đó, có thể thấy nghi lễ của Tứ Ân Đạo Phật khá phức tạp, ảnh hưởng bởi nghi lễ Phật giáo, Công giáo, nghi lễ dân gian và tư tưởng Nho giáo. Thông qua hệ thống nghi lễ, có thể nhận biết đặc trưng của Tứ Ân Đạo Phật, những điểm khác với Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Kết luận

Tứ Ân Đạo Phật ra đời trên nền tảng của tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nhưng có rất nhiều điểm khác so với hai tôn giáo trước đó. Bên cạnh đó, Tứ Ân Đạo Phật còn tiếp nhận nhiều giá trị văn hóa, tín ngưỡng dân gian và ảnh hưởng của Công giáo trong biểu tượng thờ phụng và nghi lễ. Do vậy, có thể cho rằng, Tứ Ân Đạo Phật là một nhóm tôn giáo mới, ra đời trong bối cảnh lịch sử xã hội vùng Tây Nam Bộ có nhiều khó khăn, phức tạp; trong bối cảnh các tôn giáo và chi phái của các tôn giáo nội sinh ra đời, phát triển rất mạnh. Sự ra đời của Tứ Ân Đạo Phật có đóng góp quan trọng trong đời sống vật chất, tinh thần của người Việt vùng Tây Nam Bộ, tạo nên sự phong phú, đa dạng trong bức tranh văn hóa tôn giáo nội sinh vùng Nam Bộ.

Qua nghiên cứu lịch sử ra đời và các đặc điểm thực hành Tứ Ân Đạo Phật, có thể nhận thấy đây là một nhóm tôn giáo đặc biệt trong hệ thống các tôn giáo, chi phái tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ. Nhóm tôn giáo này quan niệm, người tu hành thì chỉ cần tập trung lo tu hành, làm ăn, giúp đỡ người nghèo khó, vì đất nước,... là điều quan trọng nhất, do vậy mà đến nay, Tứ Ân Đạo Phật không muốn “xung danh”, không muốn phô trương hình thức, ngay cả đối với việc xây cất chùa,... Chính vì những quan niệm đó mà tín đồ Tứ Ân Đạo Phật “âm thầm lặng lẽ” tu hành, rất ít người biết đến. Quan niệm này nhằm mục đích giữ gìn truyền thống của đạo, đem đến sự yên tĩnh trong đời sống tu hành của tín đồ, hạn chế sự tác động của đời sống xã hội, làm mất đi truyền thống của đạo - những vấn đề mà nhiều tôn giáo gặp phải hiện nay. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Trong cộng đồng tín đồ, nhóm tôn giáo này được gọi với nhiều danh xưng như: Tứ Ân Đạo Phật, Tứ Ân Quốc Đạo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa Phật Đạo, Đạo Phật Tứ Ân,... Nhưng số đông tín đồ mà chúng tôi phỏng vấn sâu đều gọi bằng danh xưng “Tứ Ân Đạo Phật”. Tên gọi này cũng được lấy làm bảng hiệu của chùa và nhiều bảng hiệu khác, được đề cập trong những bài Hát Thánh của đạo. Do vậy, ở đây chúng tôi sử dụng tên gọi phổ biến trong cộng đồng tín đồ là: Tứ Ân Đạo Phật.
- 2 Cũng có câu chuyện kể rằng, ông Đạo Sáu có đi qua núi Tà Lơn (Bokor, Campuchia) tu hành. Tuy nhiên, theo một số tín đồ lớn tuổi và có uy tín nhất trong nhóm thì ông Đạo Sáu chưa từng đến tu hành ở núi Tà Lơn mà chỉ tu ở vùng Bảy Núi cho đến khi thành lập nhóm đạo.

- 3 Theo phân chia địa giới hành chính của lực lượng cách mạng, tỉnh Long Châu Hà trong thời gian này bao gồm: Long Xuyên, Châu Đốc và Hà Tiên.
- 4 Nguyễn Trung Hiếu, tư liệu phỏng vấn sâu ông U. C. (91 tuổi), ông T. L. H. (73 tuổi), ông C. (60 tuổi) là các tín đồ của ông Đạo Sáu tại Sơn Hà Cổ Miếu, Huỳnh Vân tự và Lương An Thành tự. Phỏng vấn vào tháng 2 và tháng 5 năm 2021.
- 5 Nguyễn Trung Hiếu, tư liệu phỏng vấn sâu ông C. (60 tuổi), tỳ kheo dẫn kinh tại chùa Lương An Thành tự, tháng 2 và tháng 5 năm 2021.
- 6 Nguyễn Trung Hiếu, tư liệu phỏng vấn sâu ông U. C. (91 tuổi) là tín đồ của ông Đạo Sáu tại Sơn Hà cổ miếu, ngày 23 tháng 5 năm 2021.
- 7 Nguyễn Trung Hiếu, tư liệu phỏng vấn sâu ông U. C. (91 tuổi) là tín đồ của ông Đạo Sáu tại Sơn Hà cổ miếu, ngày 23 tháng 5 năm 2021.
- 8 Nguyễn Trung Hiếu, tư liệu phỏng vấn sâu ông T. L. H (73 tuổi), là tín đồ của ông Đạo Sáu tại Huỳnh Vân tự, tháng 2 và tháng 5 năm 2021.
- 9 Nguyễn Trung Hiếu, tư liệu phỏng vấn sâu ông T. L. H (73 tuổi), là tín đồ của ông Đạo Sáu tại Huỳnh Vân tự, tháng 2 và tháng 5 năm 2021.
- 10 Nguyễn Trung Hiếu, tư liệu phỏng vấn sâu tín đồ ông Đạo Sáu.
- 11 Nguyễn Trung Hiếu, tư liệu phỏng vấn sâu ông C. (60 tuổi), tỳ kheo dẫn kinh, tín đồ của ông Đạo Sáu tại chùa Lương An Thành, tháng 2 năm 2021.
- 12 Nguyễn Trung Hiếu, tư liệu phỏng vấn sâu ông C. (60 tuổi), Tỳ kheo dẫn kinh, là tín đồ của ông Đạo Sáu tại chùa Huỳnh Vân, tháng 2 và tháng 5 năm 2021.
- 13 Việc thờ phụng và ý nghĩa của từng hình tượng rất phức tạp, ngay cả những tín đồ cao niên, uy tín của nhóm đạo cũng chưa thể lý giải rõ ràng. Ở đây, chúng tôi bước đầu khảo tả đôi nét về đặc trưng thờ phụng, việc lý giải sâu về nguồn gốc, ý nghĩa của các hình tượng sẽ được trình bày trong một nghiên cứu khác.
- 14 Chúng tôi sẽ lý giải về ý nghĩa của các nghi lễ trong một nghiên cứu khác. Ở đây, chúng tôi bước đầu trình thuật những điểm chính của nghi lễ để có cái nhìn sơ bộ về nhóm tôn giáo này
- 15 Nếu là tín đồ nam thì ngón cái tay trái chéo qua ngón cái tay phải. Tín đồ nữ thì ngón cái tay phải chéo qua ngón cái tay trái. Thực hiện theo quy tắc nam tả, nữ hữu.
- 16 Tuy được cộng đồng tín đồ tôn xưng, đề cử là Tỳ kheo, nhưng cách thức tu hành, hình dạng của tín đồ là người nông dân bình thường “cư sĩ tại gia”. Không giống như bậc tu Tỳ kheo trong Phật giáo.
- 17 Trong quá trình thực hiện nghi lễ cúng luôn có hai ông Tỳ kheo. Một Tỳ kheo “thủ chuông” - là Tỳ kheo chủ lễ, có nhiệm vụ đọc dẫn kinh hay còn gọi là “khởi kinh” và gõ chuông. Tỳ kheo thứ hai có nhiệm vụ “thủ mõ”, nhằm hỗ trợ Tỳ kheo chủ lễ “gõ mõ” hoặc đọc trợ kinh khi Tỳ kheo chủ lễ mệt. Vì thời gian của một thời cúng 19 giờ (7 giờ tối) vào ngày rằm 14, 15 hoặc 29, 30 kéo dài từ 90 phút đến 120 phút.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của Long Châu Điện, năm 2012.
2. Đức Nguyên Nguyễn Văn Hồng (2003), *Cao Đài từ điển (quyển 1)*, Tòa Thánh Tây Ninh, Tây Ninh.
3. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương - Phật Thầy Tây An (2005), *Nghi thức tụng niệm hằng ngày*, Tây An Cổ Tích tự, Ban Trị sự đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ấn hành.
4. Võ Văn Sen (chủ biên, 2020), *Nam Bộ - Đất và người*, tập XIV, bài của Nguyễn Trung Hiếu & Mai Thị Minh Thuy, “Tin ngưỡng dân gian của người Việt ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (Khảo cứu vài trường hợp nổi bật)”, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa (1870/2001), *Linh Sơn Hội Thượng Kinh*, Tam Bửu điện (xã Ba Chúc, huyện Tri Tôn), bản đánh máy sưu tầm.
6. Tứ Ân Quốc Đạo (1974), *Kinh Hát Thánh (1947 – 1974)*, bản đánh máy và bản viết tay, tư liệu sưu tầm.
7. Vương Kim (1954), *Đức Phật Thầy Tây An*, Nxb. Long Hoa, Sài Gòn.

Abstract

TỨ ÂN BUDDHISM - A NEW RELIGION IN THE SOUTHWEST VIETNAM

Nguyen Trung Hieu

Faculty of Arts and Culture,

An Giang University, VNU-Ho Chi Minh City

Dzang Dzang Thu

Faculty of Arts and Culture,

An Giang University, VNU-Ho Chi Minh City

Tứ Ân Buddhism (Four Virtues) is a new religion that was founded in An Giang in 1947. This religion based on the doctrine and thought of Bửu Sơn Kỳ Hương religion (founded in 1849) and Buddhist thought. Tứ Ân Buddhism had a great influence in the spiritual and material life of people in some localities in the border areas of An Giang and Kiên Giang provinces. In this article, the author indicates Tứ Ân Buddhism's history of the formation and other important aspects such as doctrinal ideology, the process of reclamation, village establishment, characteristics of worship, ritual system, etc.

Keywords: New religion; Tứ Ân Buddhism; Đạo Sáu; Bửu Sơn Kỳ Hương; An Giang; Kiên Giang.